

Số: 1857/QĐ-UBND

Hà Nam, ngày 31 tháng 12 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền  
giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hà Nam**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/ tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 13/2014/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam ban hành Quy chế phối hợp trong việc công bố, niêm yết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Giám đốc Sở Tư pháp,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hà Nam.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định: số 996/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động Thương binh và Xã hội; số 576/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội. Những quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 

**Nơi nhận:**

- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC- đê b/c);
- TTTU, TTHDND tỉnh (đê b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Hà Nam, Công TTĐT tỉnh;
- VPUB: LĐ, NC, VX, CB-TH;
- Lưu: VT, NC(H).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Bùi Quang Cẩm**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT  
CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1857/QĐ-UBND ngày 31 tháng 11 năm 2015 của  
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN  
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

| STT        | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH   |
|------------|--|
| <b>I</b>   | <b>LĨNH VỰC AN TOÀN LAO ĐỘNG</b>   |
| 1          | Thông báo việc tổ chức làm thêm từ 200 giờ đến 300 giờ trong một năm   |
| 2          | Gửi báo cáo tổng hợp tình hình tai nạn lao động.   |
| 3          | Đăng ký công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa.  |
| 4          | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động.                  |
| 5          | Báo cáo công tác An toàn, vệ sinh lao động.  |
| 6          | Thông báo về việc tuyển dụng lần đầu người dưới 15 tuổi vào làm việc.  |
| 7          | Khai báo các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.   |
| 8          | Thẩm định chương trình huấn luyện chi tiết về an toàn lao động, vệ sinh lao động của Cơ sở.                        |
| <b>II</b>  | <b>LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI</b>   |
| 1          | Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở bảo trợ xã hội                         |
| 2          | Tiếp nhận đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở bảo trợ xã hội  |
| 3          | Tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở bảo trợ xã hội   |
| 4          | Cấp giấy phép hoạt động cơ sở chăm sóc người khuyết tật  |
| 5          | Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động cơ sở chăm sóc người khuyết tật  |
| 6          | Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật        |
| 7          | Gia hạn quyết định công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật |
| 8          | Cấp, cấp lại và điều chỉnh giấy phép hoạt động chăm sóc người cao  |
| <b>III</b> | <b>LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG</b>  |
| 1          | Thủ tục giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là người hưởng chế độ mất sức lao động                     |
| 2          | Thủ tục hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần                                |

|    |  |
|----|--|
| 3  | Thủ tục giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng khi người có công từ trần  |
| 4  | Thủ tục hưởng lại chế độ ưu đãi đối với người có công hoặc thân nhân trong các trường hợp:<br>- Bị tạm đình chỉ chế độ do bị kết án tù đã chấp hành xong hình phạt tù;<br>- Bị tạm đình chỉ do xuất cảnh trái phép nay trở về nước cư trú;<br>- Đã đi khỏi địa phương nhưng không làm thủ tục di chuyển hồ sơ nay quay lại đê nghị tiếp tục hưởng chế độ.<br>- Bị tạm đình chỉ chế độ chờ xác minh của cơ quan điều tra. |
| 5  | Thủ tục giải quyết chế độ đối với thân nhân liệt sĩ  |
| 6  | Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ đi lấy chồng hoặc vợ khác  |
| 7  | Thủ tục giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến   |
| 8  | Thủ tục giải quyết chế độ đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh  |
| 9  | Thủ tục giám định vết thương còn sót   |
| 10 | Thủ tục giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là bệnh binh   |
| 11 | Thủ tục giải quyết hưởng chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học   |
| 12 | Thủ tục giải quyết hưởng chế độ đối với con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học   |
| 13 | Thủ tục giải quyết chế độ người hoạt cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày  |
| 14 | Thủ tục giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế   |
| 15 | Thủ tục giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng  |
| 16 | Thủ tục sửa đổi thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công  |
| 17 | Thủ tục di chuyển hồ sơ người có công với cách mạng  |
| 18 | Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ   |
| 19 | Thủ tục giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng   |
| 20 | Thủ tục giám định lại thương tật do vết thương cũ tái phát và điều chỉnh chế độ  |
| 21 | Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng đã chết   |
| 22 | Thủ tục mua bảo hiểm y tế đối với người có công và thân nhân   |
| 23 | Thủ tục Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với những trường hợp thân nhân liệt sĩ đã được giải quyết chế độ ưu đãi trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 nhưng chưa được cấp Bằng   |

|           |  |
|-----------|--|
| 24        | Thủ tục xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ |
| 25        | Thủ tục bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ  |
| 26        | Thủ tục trợ cấp một lần đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chia-a, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc                 |
| 27        | Thủ tục đính chính thông tin trên bia mộ liệt sĩ   |
| 28        | Thủ tục hỗ trợ di chuyển hài cốt liệt sĩ   |
| 29        | Thủ tục lập Sổ theo dõi và cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình  |
| 30        | Thủ tục thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ   |
| <b>IV</b> | <b>LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI</b>   |
| 1         | Cấp giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân  |
| 2         | Cấp lại giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân  |
| 3         | Sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân   |
| 4         | Gia hạn giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân  |
| 5         | Đề nghị chấm dứt hoạt động cơ sở hỗ trợ nạn nhân   |
| 6         | Đưa người nghiện ma túy vào cơ sở cai nghiện bắt buộc  |
| 7         | Chế độ thăm gặp thân nhân đối với học viên tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội  |
| 8         | Thủ tục nghỉ chịu tang của học viên tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội   |
| 9         | Thủ tục trợ cấp 1 phần hoặc toàn bộ chi phí khám, chữa bệnh đối với học viên tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội thuộc diện nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách không có thẻ BHYT     |
| <b>V</b>  | <b>LĨNH VỰC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC</b>  |
| 1         | Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập thời hạn dưới 90 ngày.   |
| 2         | Đăng ký hợp đồng cá nhân cho lao động đi làm việc tại Đài Loan.  |
| <b>VI</b> | <b>LĨNH VỰC VIỆC LÀM</b>   |
| 1         | Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp   |
| 2         | Tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp   |
| 3         | Tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp   |
| 4         | Chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp   |
| 5         | Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đi)   |
| 6         | Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đến)  |

|             |   |
|-------------|---|
| 7           | Giải quyết hỗ trợ học nghề  |
| 8           | Hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm  |
| 9           | Thông báo về việc tìm việc làm hằng tháng   |
| 10          | Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm cho doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.   |
| 11          | Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm cho doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.   |
| 12          | Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm cho các doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.   |
| 13          | Cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam.  |
| 14          | Cấp lại giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam.  |
| 15          | Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động.   |
| 16          | Báo cáo nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài (đối với các Doanh nghiệp nằm ngoài khu công nghiệp: Đồng Văn 1; Đồng Văn 2; Đồng Văn 3; KCN Hòa mạc; KCN Châu Sơn; Cụm Tây nam Phủ Lý).          |
| 17          | Báo cáo thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài (đối với các Doanh nghiệp nằm ngoài khu công nghiệp: Đồng Văn 1; Đồng Văn 2; Đồng Văn 3; KCN Hòa mạc; KCN Châu Sơn; Cụm Tây nam Phủ Lý). |
| <b>VII</b>  | <b>LĨNH VỰC LAO ĐỘNG – TIỀN LƯƠNG</b>   |
| 1           | Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm pu chia   |
| 2           | Đăng ký nội quy lao động của Doanh nghiệp ( <i>đối với các Doanh nghiệp nằm ngoài khu công nghiệp: Đồng Văn 1; Đồng Văn 2; Đồng Văn 3; KCN Hòa mạc; KCN Châu Sơn; Cụm Tây nam Phủ Lý</i> )          |
| 3           | Phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện, quỹ tiền thưởng đối với viên chức quản lý Công ty TNHH Một thành viên do UBND tỉnh làm chủ sở hữu  |
| 4           | Xếp hạng công ty TNHH Một thành viên do UBND tỉnh làm chủ sở hữu ( <i>từ hạng III cho đến hạng Tổng công ty và tương đương</i> )  |
| 5           | Đăng ký Thỏa ước lao động tập thể của Doanh nghiệp ( <i>đối với các Doanh nghiệp nằm ngoài khu công nghiệp: Đồng Văn 1; Đồng Văn 2; Đồng Văn 3; KCN Hòa mạc; KCN Châu Sơn; Cụm Tây nam Phủ Lý</i> ) |
| 6           | Phê duyệt phương án giải quyết lao động dôi dư tại Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu   |
| <b>VIII</b> | <b>LĨNH VỰC CHO THUÊ LẠI LAO ĐỘNG</b>   |
| 1           | Thông báo về việc chuyển địa điểm đặt trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp hoạt động cho thuê lại lao động.   |
| 2           | Báo cáo về tình hình cho thuê lại lao động.   |
| 3           | Báo cáo về việc thay đổi người quản lý, người giữ chức danh chủ chốt của  |

|           |   |
|-----------|---|
|           | doanh nghiệp hoạt động cho thuê lại lao động.   |
| <b>IX</b> | <b>LĨNH VỰC TỔ CHỨC CÁN BỘ</b>  |
| 1         | Xếp hạng một số loại hình đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Lao động-thương binh và xã hội  |
| <b>X</b>  | <b>LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP</b>  |
| 1         | Đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp                         |
| 2         | Đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp đối với doanh nghiệp   |
| 3         | Đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp |